

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/DS-ST

Ngày: 23/5/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư;
Ông Đào Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2025/TB-TA ngày 25/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thân Thị Lan A, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà A, Tổ H, Ngõ A, đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà B đường H, phường Đ, thành phố B (*vắng mặt*).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Ngô Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà B đường H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thân Thị Lan A trình bày:

Ngày 29/8/2019, chị H vay bà số tiền 94.600.000 đồng có viết biên nhận và hẹn ngày 29/8/2021 trả. Khi vay hai bên không ghi và cũng không thỏa thuận lãi suất. Chị H vay tiền với mục đích cần vốn kinh doanh quán ốc. Bà xác nhận Giấy vay tiền được đánh máy sẵn, chưa trống các mục để chị H tự viết tay như: *ngày tháng năm vay tiền, tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại, địa chỉ, nhu cầu vay, số tiền, ngày trả*. Tại giấy vay tiền có nội dung “... có vay vợ chồng anh chị Hoàng Sĩ H1 và Thân Thị Lan A”, tuy nhiên bà A xác định đây là số tiền riêng của bà nên chỉ có bà và chị H giao nhận tiền với nhau, ông H1 không có liên quan. Tại Bản cam kết ngày 10/10/2024, chồng bà A là ông Hoàng Sĩ H1 cũng xác định số tiền này không liên quan đến ông, nên ông yêu cầu Tòa án không đưa ông tham gia vụ án.

Trong quá trình vay, bà A xác định chị H đã trả tiền nợ gốc cho bà A 13 lần, mỗi lần 200.000 đồng với tổng số tiền là 2.600.000 đồng, chị H còn nợ lại 92.000.000 đồng. Bà A đã đòi nhiều lần nhưng chị H không trả.

Do bà đến nhà đòi tiền nhiều lần nên mẹ chị H là bà Ngô Thị T có ghi mặt sau của Giấy vay tiền với nội dung “Ngày 29/8/2019, tôi tên Ngô Thị T là mẹ cháu H, nếu cháu H không trả số tiền trên tôi sẽ trả cho cháu số tiền nợ trên, ký tên Ngô Thị T”. Nhưng bà A xác định khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thu H thanh toán, không yêu cầu đối với bà Ngô Thị Tuyết.

Tại đơn khởi kiện, bà A khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền nợ gốc 92.000.000 đồng và trả tiền lãi 46.579.600 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 08/4/2025 và phiên tòa hôm nay, bà A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà A xác định chỉ yêu cầu một mình chị H có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 92.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thu H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Thị T vắng mặt nhưng có lời khai tại Biên bản làm việc ngày 31/4/2025:

Bà là mẹ của chị H, bà và chị H nhận được các Thông báo, Giấy báo của Tòa án qua dịch vụ bưu điện nhưng vì bận công việc nên không ai lên Tòa.

Bà T có biết việc chị H vay bà A số tiền 94.600.000 đồng, chứng kiến chị H có ký tên và ghi họ tên tại Giấy vay tiền ghi ngày 29/8/2019. Chị H đã trả được một khoản tiền nợ gốc cho bà A nhưng không biết trả được bao nhiêu, đến năm 2019 dịch Covid 19 kinh tế khó khăn nên chị H ngưng trả từ đó cho đến nay. Bà T thừa nhận bà có ghi mặt sau của Giấy vay tiền với nội dung “Ngày 29/8/2019, tôi tên Ngô Thị T là mẹ cháu H, nếu cháu H không trả số tiền trên tôi sẽ trả cho cháu số tiền nợ trên, ký tên Ngô Thị T”. Tuy nhiên hiện nay kinh tế khó khăn nên bà không có khả năng trả nợ thay chị H. Yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Lan A.
2. Buộc chị Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Thân Thị Lan A số tiền 92.000.000 đồng.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo giấy vay tiền do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

[5]. Về nội dung vụ án:

Tại Giấy vay tiền ghi ngày 29/8/2019, nội dung thể hiện chị Nguyễn Thu H vay số tiền 94.600.000 đồng, hai bên không ghi và không thỏa thuận lãi suất. Bà A xác định chị H đã trả được 13 lần, mỗi lần 200.000 đồng, tổng số tiền gốc đã trả 2.600.000 đồng, còn nợ lại 92.000.000 đồng. Bà A khởi kiện yêu cầu một mình chị H có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 92.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Ông Hoàng Sĩ H1 chồng bà A xác định số tiền bà A cho chị H vay không liên quan đến ông, đây là số tiền riêng của bà A.

Bị đơn Nguyễn Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của bà A, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc chị H có vay bà A số tiền gốc là 94.600.000 đồng. Bà A cho rằng chị H đã trả cho bà A số tiền 2.600.000 đồng, chị H còn nợ lại 92.000.000 đồng.

Mặt khác, bà T có lời khai xác định có biết việc chị H vay bà A số tiền 94.600.000 đồng, chứng kiến chị H có ký tên tại Giấy vay tiền ghi ngày 29/8/2019. Bà T thừa nhận có ghi mặt sau của Giấy vay tiền với nội dung “*Ngày 29/8/2019, tôi tên Ngô Thị T là mẹ cháu H, nếu cháu H không trả số tiền trên tôi sẽ trả cho cháu số tiền nợ trên, ký tên Ngô Thị T*”. Tuy nhiên hiện nay kinh tế bà khó khăn nên không có khả năng trả nợ thay chị H. Yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà A. Chị H, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc chị H đã trả cho bà A một khoản tiền nợ gốc.

Từ những cơ sở nêu trên, yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Lan A yêu cầu chị Nguyễn Thu H trả số tiền nợ gốc 92.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Lan A được chấp nhận, nên chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho bà Thân Thị Lan A tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 470, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Lan A đối với chị Nguyễn Thu H.

2. Buộc chị Nguyễn Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Thân Thị Lan A số tiền 92.000.000 đồng (*Chín mươi hai triệu đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Chị Nguyễn Thu H phải chịu số tiền 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

3.2. Bà Thân Thị Lan A không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà A số tiền 3.465.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002199 ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trần Kiên